

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

# MỤC LỤC

<b>THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT .....</b>	<b>2</b>
<b>TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY .....</b>	<b>4</b>
I.    LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN .....	4
II.   CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY .....	5
III.  CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY .....	8
IV.   NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2016: .....	9
V.    SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG .....	12
VI.   CƠ CẤU CỔ ĐỒNG.....	14
VII.  LĨNH VỰC KINH DOANH .....	19
VIII.  CÁC DÒNG SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY .....	19
IX.   TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH.....	24
<b>BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>25</b>
I.    THÀNH PHẦN CỦA HĐQT .....	25
II.   ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG.....	25
III.  HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	25
IV.   TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016 .....	26
V.    KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2017 .....	26
<b>BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH .....</b>	<b>28</b>
I.    KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016.....	28
II.   CÁC THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2016: .....	29
III.  KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2017 .....	30
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT .....</b>	<b>32</b>

# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa quý vị Cổ đông và các khách hàng thân thiết của DAG.

Trong năm 2016 vừa qua, kinh tế Việt Nam trải qua nhiều biến động, tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt ~6,2% và không đạt mục tiêu kỳ vọng. Chỉ số tiêu dùng CPI tăng ~4,5%, lạm phát cơ bản cũng tăng ~1,9% so với năm 2015. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang gặp nhiều khó khăn, trong nước lại bị ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, ngành khai thác khoáng sản giảm sâu thì kết quả trên vẫn được xem là một thành công lớn.

Trong nền kinh tế Việt Nam, ngành công nghiệp nhựa là một ngành non trẻ so với các ngành công nghiệp khác như: cơ khí, điện tử, dệt may,... nhưng lại có sự phát triển mạnh mẽ nhất trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng hàng năm ~ 16-18%. Sự tăng trưởng này xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt nếu so mức bình quân sử dụng sản phẩm nhựa trên đầu người tại Việt Nam so với sự phát triển của thế giới cũng như những ứng dụng rộng rãi của sản phẩm nhựa như: Bao bì nhựa, sản phẩm vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa gia dụng và đặc biệt là sản phẩm nhựa kỹ thuật cao. Theo thống kê, trong năm 2016, lượng nhựa tiêu thụ bình quân của mỗi người Việt khoảng 55kg/năm và tăng 14% mỗi năm.

Với tốc độ phát triển nhanh của ngành Nhựa, đã và đang thu hút sự quan tâm, tham gia của nhiều doanh nghiệp khác, tạo nên cuộc chiến cạnh tranh thị phần cũng với hoạt động M&A trong ngành. Tính trên cả nước hiện có khoảng 1.500 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động, trong đó số lượng các doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ~85%. Riêng về hai mảng ống nhựa và nhựa vật liệu xây dựng có gần 200 doanh nghiệp đang hoạt động. Mảng ống nhựa xây dựng với hai doanh nghiệp lớn là Nhựa Thiếu niên Tiền Phong và Nhựa Bình Minh; còn đối với mảng nhựa vật liệu xây dựng thì DAG là doanh nghiệp nội chiếm 20-25% thị phần toàn quốc, trong đó sản phẩm thanh Profile uPVC chiếm ~35-40% thị phần miền Bắc. Theo tổ chức nghiên cứu quốc tế BMI dự báo, năm 2016 tăng trưởng ngành xây dựng hạ tầng Việt Nam sẽ là 9,85%, tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 6%/năm trong giai đoạn 2016 – 2024. Nhu cầu về ống nhựa xây dựng và thanh Profile cũng ngày tăng theo do những ưu điểm nổi trội của sản phẩm cửa nhựa mang đến như: cách âm, cách nhiệt, không bị cong vênh do ảnh hưởng của môi trường.

Nhận thức được điều đó, DAG đã nhanh chóng có những đổi mới kịp thời để gia tăng khả năng cạnh tranh trong ngành. Trong năm 2016, DAG đã hoàn thiện và đi vào vận hành nhà xưởng sản xuất thanh Profile với công nghệ mới nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đáp ứng yêu cầu sản xuất, sử dụng liên tục của thị trường. Đồng thời, trong năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền, máy móc để tăng cường năng lực sản xuất của tấm PP, tấm Fomex, smartdoor và tấm Mica để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhà máy.

Bên cạnh những cải tiến về công nghệ, Công ty cũng quan tâm chặt chẽ đến vấn đề chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm áp dụng và tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001 – 2015 nhằm quản lý tốt hơn nữa chất lượng sản phẩm cũng như nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đi đôi với việc cải tiến, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. DAG cũng luôn quan tâm chặt chẽ đến vấn đề an toàn vệ sinh trong quá trình sản xuất, chăm lo đời sống sức khỏe của các CBCNV trong Công ty và tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, xã hội: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho các CBCNV trong toàn tập đoàn; đến thăm và tài trợ kinh phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung ương; Tặng nhà tình nghĩa cho gia đình có công với cách mạng tại huyện Thanh Trì; Tham gia ủng hộ, giúp đỡ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi thiên tai;...

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Nhựa Đông Á đã gia nhập nhóm doanh nghiệp nghìn tỷ. DAG hiện có 3 công ty thành viên và 3 nhà máy hiện đại, bước đầu thành công trong việc sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất như : Tấm ốp trần, cửa nhựa, cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa nhôm, tấm alu, tấm formex, tấm PP, mica...

Có được kết quả ngày hôm nay, DAG vô cùng biết ơn sự quan tâm của các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, và các đối tác trong và ngoài nước, đã đồng hành cùng DAG trong suốt 15 năm qua. Kính chúc quý cổ đông cùng gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!



# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

## I. Lịch sử hình thành phát triển

Năm 2001:  
Thành lập công ty TNHH Nhựa Đông Á với VĐL 2,5 tỷ đồng

Năm 2003:  
Sản xuất cửa nhựa

Năm 2006:  
Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần

Năm 2008:  
+ Cung cấp tấm PP ra thị trường  
+ Sản xuất gioăng cao su cho lắp đặt cửa Upvc và cửa hợp

Năm 2010:  
Niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Năm 2016:  
Đầu tư và hoàn thiện nhà xưởng Profile với trạm trộn tự động cùng 17 dây chuyền công nghệ châu Âu



Năm 2002:  
Đầu tư dây chuyền SX tấm ốp trần, cửa xếp

Năm 2005:  
Đầu tư sản xuất cửa nhựa Upvc có lõi thép gia cường:  
Smartwindow

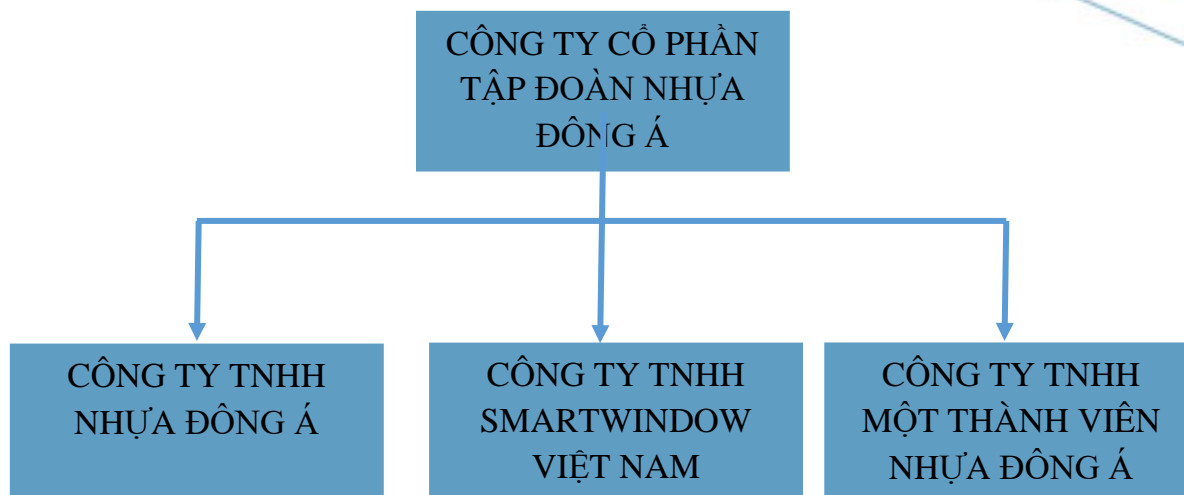
Năm 2007:  
+ Thành lập Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH một hành viên S.M.W  
+ Cung cấp sản phẩm thanh Upvc Profile

Năm 2009:  
Thành lập Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á -DAS  
+ Đưa sản phẩm bọt Hiflex ra thị trường

Năm 2011:  
Sản xuất tấm nhôm composite với thương hiệu DAG-ALU

## II. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Trong đó công ty mẹ quản lý vốn góp tại các Công ty con, công ty liên kết. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



### ❖ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Địa chỉ:

Tầng 9, Tháp Tây- Tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chức năng nhiệm vụ:

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong mối quan hệ với công ty thành viên theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan. Quản lý vốn góp và hoạt động tại các Công ty con. Lựa chọn và quyết định lĩnh vực, hình thức đầu tư và kinh doanh vốn theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm hiệu quả, khả năng sinh lời và phù hợp với quy định của pháp luật. Xây dựng, duy trì và kiểm soát các hoạt động chung của tập đoàn. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.

❖ **Công ty TNHH Nhựa Đông Á**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam  
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo như: hạt nhựa, cửa nhựa, tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp, tấm mica, tấm nhôm composite, nẹp trang trí...  
Vốn điều lệ 159.330.000.000 đồng  
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ **Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam**

Địa chỉ: Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội  
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất cửa nhựa uPVC có lõi thép gia cường hiệu; cửa hợp kim nhôm - vách kính dựng nhãn hiệu Smartwindow, Smartdoor và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa Đông Á Hà Nam và hàng nhập khẩu.  
Vốn điều lệ 36.000.000.000 đồng  
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ **Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh, các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và quảng cáo.  
Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng  
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

## TRỤ SỞ CHÍNH



NHÀ MÁY HÀ NAM



NHÀ MÁY TÂN TẠO - HCM

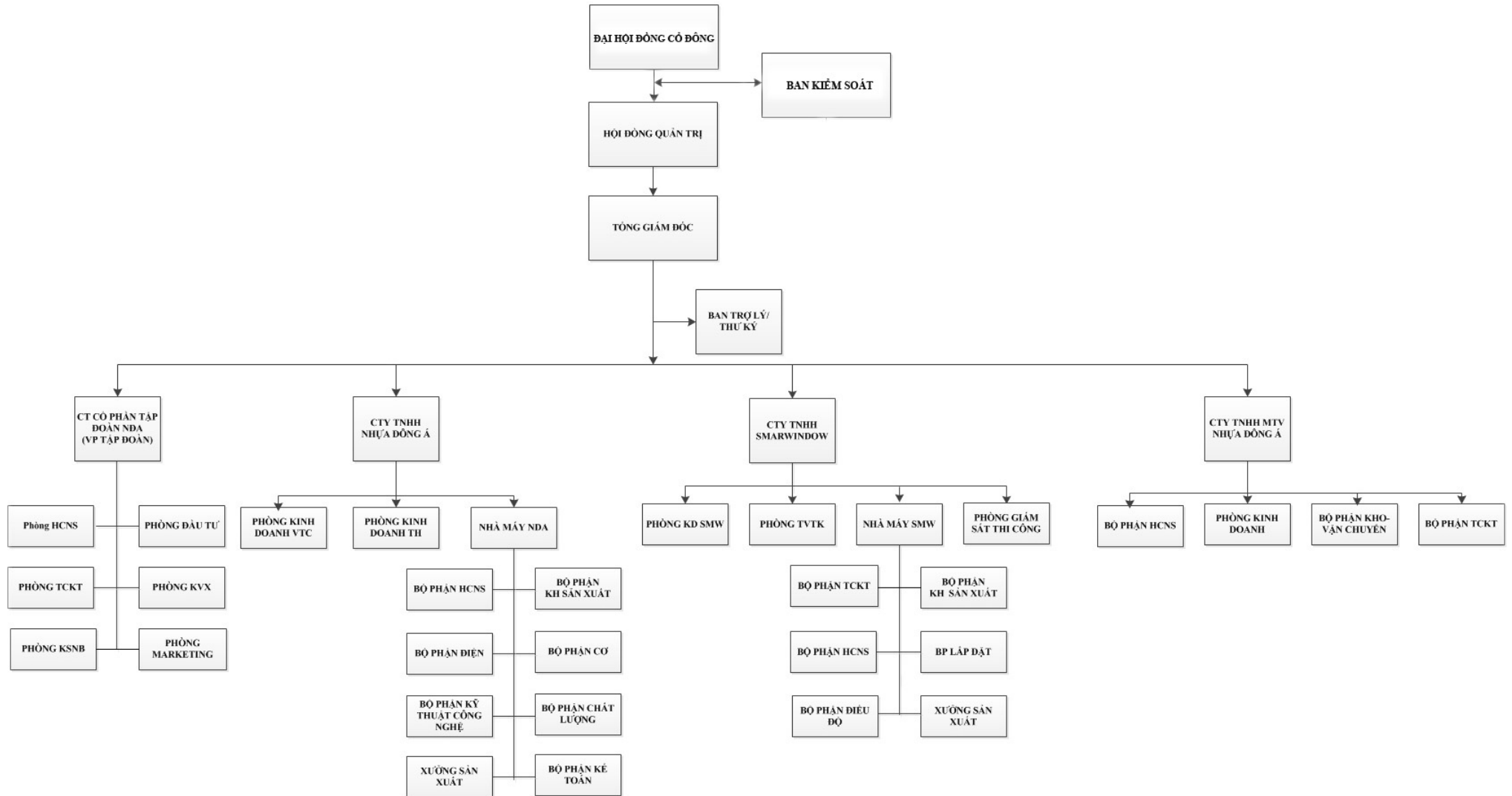
## DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT



- Tên công ty** : Công ty cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á  
**Tên tiếng Anh** : Dong A Plastic Group Joint Stock Company  
**Tên viết tắt** : Dong A Plastic Group  
**Trụ sở** : Lô 1 CN5 Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội  
**Điện thoại** : 04 3793 8686  
**Fax** : 04 3793 8181  
**Website** : <http://www.dag.com.vn>  
**Email** : [info@dag.com.vn](mailto:info@dag.com.vn)  
**Vốn điều lệ** : 418.844.890.000 đồng

### III. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được cơ cấu và tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý như dưới đây:





#### IV. Những sự kiện nổi bật trong năm 2016:

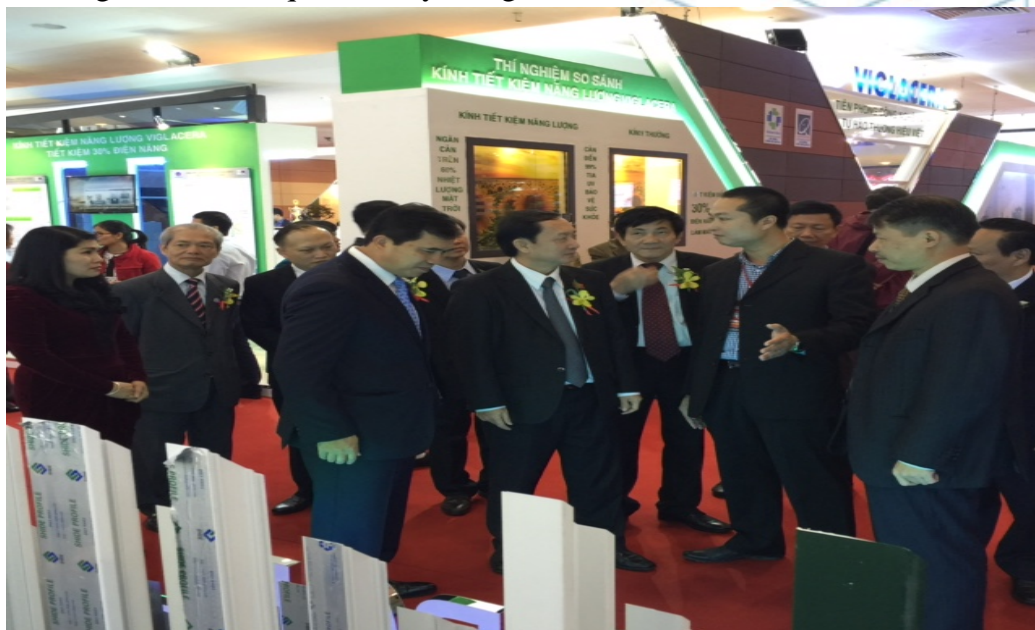
Được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016



Tham dự Hội thảo Vietnam Access Day tại Hồ Chí Minh



## Tham gia triển lãm quốc tế xây dựng Vietbuild Hà Nội



Tham gia Triển lãm quốc tế xây dựng Vietbuild Đà Nẵng và phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức hội thảo “Giới thiệu công nghệ sản xuất uPVC Profile và lắp ráp cửa uPVC vân gỗ 3D”





Ký hợp đồng hợp tác với tập đoàn Daehung cung cấp cửa nhôm composit công nghệ mới tại Việt Nam

DAG ký kết hợp đồng chuyển giao dây chuyền sản xuất tấm nhựa đanpla khổ cực đại từ tập đoàn Handern

DAG tham gia hội thảo ngành Nhựa do Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Công ty chứng khoán ngân hàng Công thương phối hợp tổ chức



DAG khánh thành nhà máy sản xuất thanh Profile lớn nhất Việt Nam và kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty



## V. Số lượng CBNV và chính sách đối với người lao động

### 1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2016, DAG có tổng cộng 480 CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 32% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 66% tổng số lao động phổ thông tại các nhà máy.

### 2. Chính sách, chế độ đối với người lao động

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

### 3. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều cố

chức và đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

Đồng thời, định kỳ Công ty cũng tổ chức hướng dẫn, đào tạo cho CBCNV về tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất kinh doanh giúp cho CBCNV luôn thực hiện đúng và đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

#### **4. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến**

+ Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao

+ Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.

+ Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

#### **5. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất**

Trong năm DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho các nhà máy. Trong năm 2016, Công ty đã:

+ Tổ chức huấn luyện cho hơn 300 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất

+ Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu

+ Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

#### **6. Chính sách lương, thưởng**

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với gần 500 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

#### **7. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp**

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.

Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.



## VI. Cơ cấu cổ đông

### 1. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

ST T	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	12.970.051	30,97	3	1	2
	- Trong nước	12.970.051	30,97	3	1	2
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	24.763.167	59,12	4	3	1
	- Trong nước	24.763.167	59,12	4	3	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	438	0	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	17.098.874	40,82	1.186	27	1.159
	- Trong nước	13.081.788	31,23	1.159	19	1.140
	- Nước ngoài	4.017.086	9,59	27	8	19
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>41.884.489</b>	<b>100</b>	<b>1.192</b>	<b>31</b>	<b>1.161</b>
<b>Trong đó: - Trong nước</b>		<b>37.867.403</b>	<b>90,41</b>	<b>1.165</b>	<b>23</b>	<b>1.142</b>
<b>- Nước ngoài</b>		<b>4.017.086</b>	<b>9,59</b>	<b>27</b>	<b>8</b>	<b>19</b>

Trong đó:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	<b>22.666.412</b>	<b>54,12</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>
	- Trong nước	22.666.412	54,12	4	3	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	<b>2.096.755</b>	<b>5,01</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
	- Trong nước	2.096.755	5,01	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	<b>3.996.669</b>	<b>9,54</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>0</b>
	- Trong nước	120.932	0,29	15	15	0
	- Nước ngoài	3.875.737	9,25%	8	8	0
<b>TỔNG CỘNG</b>						

## 2. Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>	<b>22.940.674</b>	<b>54,77</b>
1. Hội đồng quản trị	22.940.674	54,77
2. Ban Giám đốc	12.633.880	30,16
3. Ban kiểm soát	0	0
4. Giám đốc tài chính	0	0
5. Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	0	0
6. Người được ủy quyền CBTT	0	0
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>	<b>438</b>	<b>0</b>
<b>III. Công đoàn Công ty</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)</b>		
<b>V. Cổ đông khác</b>		
<b>1. Trong nước</b>	<b>14.926.291</b>	<b>35,64</b>
1.1 Cá nhân	12.520.917	29,89
1.2 Tổ chức	2.405.374	5,74
• Trong đó Nhà nước:	0	0
<b>2. Nước ngoài</b>	<b>4.017.086</b>	<b>9,59</b>
2.1 Cá nhân	141.349	0,34
2.2 Tổ chức	3.875.737	9,25
<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>41.884.489</b>	<b>100</b>

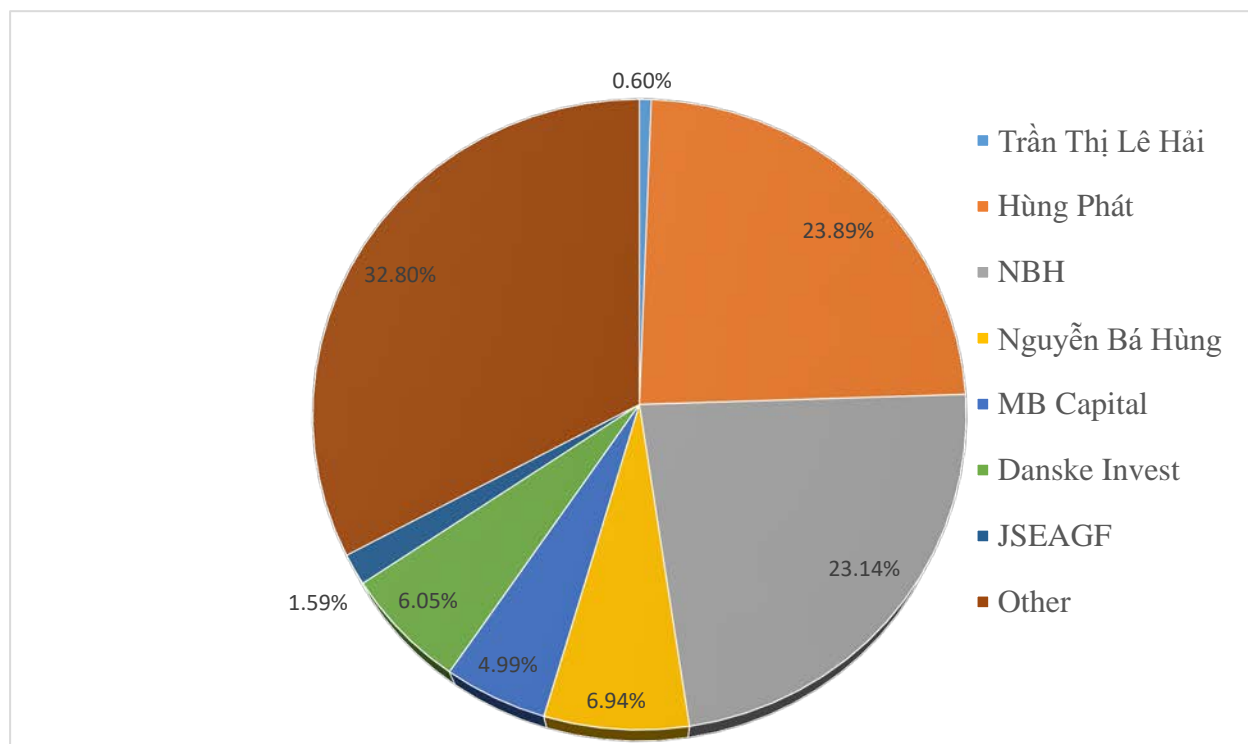
### 3. Cổ đông đặc biệt:

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	CP bị hạn chế chuyển nhượng
<b>A. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)</b>							
1	Nguyễn Bá Hùng	011660284	13/09/2006	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.915.509	6,96	
2	Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	0102001552	29/11/2000	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	10.032.532	23,95	
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	0106571229	16/06/2014	Số 41 Hàng Nón, Phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm, Hà Nội	9.718.371	23,20	
4	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB	53/UBCK-GP	10/06/2010	Tầng 8, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	2.096.755	5,01	
<b>Tổng Cộng</b>					<b>24.763.167</b>	<b>59,12</b>	
<b>B. Cổ đông chiến lược</b>							
2	Japan South East Asia Growth Fund L.P	CA5980	06/11/201 2	C/o Maples Corporate Services Limited PO Box 309, Ugland House, Grand Cayman, Cayman Islands KY1- 1104	667.012	1,59	
<b>Tổng Cộng</b>					<b>667.012</b>	<b>1,59</b>	
<b>C. Cổ đông sáng lập</b>							
1	Nguyễn Bá Hùng	011660284	13/09/2006	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.915.509	6,96	



S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	CP bị hạn chế chuyển nhượng
2	Nguyễn Thị Tính	010418699	18/09/2006	175 Bạch Đằng, P. Chương Dương, Hà Nội	22.010	0,05	
3	Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	0102001552	29/11/2000	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	10.032.532	23,95	
<b>Tổng Cộng</b>					<b>12.970.051</b>	<b>30,97</b>	
<b>Tổng Cộng (A+B+C+D)</b>					<b>25.452.189</b>	<b>60,77</b>	

Sơ đồ cơ cấu cổ đông



## VII. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

- ❖ Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- ❖ Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- ❖ Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà ở;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- ❖ Kinh doanh phương tiện vận tải, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải;
- ❖ Gia công cơ khí & Đầu tư xây dựng nhà ở;

## VIII. Các dòng sản phẩm chính của công ty

Sản phẩm chính của Công ty Nhựa Đông Á chủ yếu là các sản phẩm nhựa PVC, PE, PP, PS... với hơn 100 loại sản phẩm các loại được chia thành 8 nhóm sản phẩm chính:

- ❖ Hạt nhựa PVC, Tấm ốp trần, Nẹp trang trí..
- ❖ Smartwidow, Smartdoor: Cửa uPVC có lõi thép gia cường, Cửa nhôm vách kính dựng.
- ❖ Thanh Profile uPVC
- ❖ Tấm nhôm composite.
- ❖ Tấm PP công nghiệp
- ❖ Tấm mica PS và sản phẩm thương mại.

Chi tiết về từng nhóm sản phẩm như sau:

- ❖ **Sản phẩm truyền thống:** Tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí...



Nhóm sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa, nẹp trang trí phục vụ trong các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hiện nay là sản phẩm truyền thống của Công ty từ những ngày đầu hoạt động. Các loại sản phẩm này đa dạng và phong phú về chủng loại, bao gồm: tấm ốp trần sản xuất theo công nghệ Đài Loan với kích thước tiêu chuẩn 6000mm\*200mm\*8mm, đặc biệt sản xuất chiều dài theo yêu cầu của dự án; sản phẩm tấm trần thả với kích thước 600m\*600m\*8mm và 1200m\*600m\*8mm; cửa nhựa với kích thước tiêu chuẩn 750mm\*1900mm và có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí ngày càng được sử dụng nhiều trong cuộc sống nhờ những tính năng nổi trội như: dễ thi công, dễ vận chuyển, nhẹ và đàn hồi, dễ bảo trì, giá thành rẻ, chi phí lắp đặt thấp, màu sắc đa dạng và phong phú...

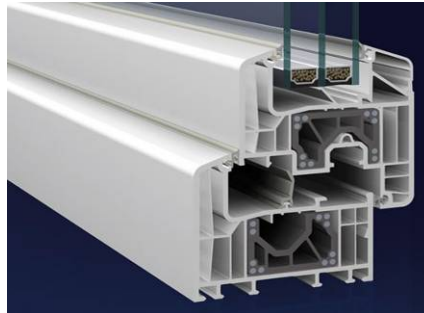
- ❖ **Sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường (Smartwidow)**



Từ năm 2003, Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu về sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường - sản phẩm được sử dụng rộng rãi tại các nước Châu Âu. Năm 2005, sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường của Nhựa Đông Á mang nhãn hiệu SmartWindows chính thức xâm nhập thị trường, và tới cuối năm 2008, sản phẩm đã chiếm 25% doanh thu của Công ty. Cấu tạo của cửa nhựa SmartWindows gồm các cấu kiện như sau: thanh Profile, kim khí phụ kiện, và vật tư phụ. Trong đó, thanh Profile (vật liệu tổng hợp uPVC kết hợp với chất phụ gia – chống lão hóa, chịu va đập, chống cháy...) là thành phần chủ yếu của cửa SmartWindows.

Các tính năng nổi bật của sản phẩm cửa uPVC là cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót, chống lão hóa, chống cháy và có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, thiết kế khoa học và thuận tiện trong quá trình thi công, dễ lau chùi và bảo quản, không phải tu dưỡng định kỳ, có độ bền cao, duy trì chất lượng sử dụng cao trong thời gian dài, đặc biệt góp phần thiết thực bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng.

#### ❖ Sản phẩm thanh uPVC Profile



Trong những năm đầu, Công ty chưa thể trực tiếp sản xuất thanh Profile, do đó vẫn phải nhập khẩu ở một số nước như Đức và Trung Quốc. Sau gần 2 năm nhập khẩu thanh Profile và nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường, năm 2007 Công ty đầu tư sản xuất và là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực sản xuất thanh Profile uPVC tại Việt Nam.

Sản phẩm Sea Profile là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực chế tạo các loại cửa uPVC thay thế các loại gỗ với đặc tính cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót biến dạng do tác động của môi trường, chống cháy, chống lão hóa, có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, có độ bóng và độ bền cao dễ lau chùi bảo quản.

Đến năm 2012, công ty nhập khẩu 10 dây chuyền đùn Kraussmaffeii của Germany và hệ thống trộn của Plasmec Italia giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí sản xuất và tạo ra sản phẩm bền đẹp làm nguyên liệu cho ngành cửa uPVC có lõi thép gia cường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng chất lượng cao trên toàn quốc và đạt phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu BSEN 12608 với nhãn hiệu SHIDE PROFILE, công xuất hàng chục nghìn tấn /năm. Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường cũng như sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.



Năm 2016, công ty đã đầu tư thêm nhà máy Profile có diện tích gần 20.000 m<sup>2</sup> với 17 dây chuyền hàng đầu của Châu Âu sản xuất thanh Profile nâng tổng công suất sản xuất thanh Profile lên hơn 41.000 tấn/năm.

❖ Sản phẩm tấm PP công nghiệp (Danpla)



Sản phẩm tấm PP được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập và các phụ gia được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng, màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có độ bền kéo rất tốt.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành xây dựng, trang trí nội thất, bao bì công nghiệp và các vật liệu quảng cáo. Tới năm 2017, công ty dự kiến đầu tư thêm 02 dây chuyền sản xuất nâng công suất lên hơn 2.100 tấn/năm, Công ty Nhựa Đông Á luôn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

❖ Tấm nhôm composite



Tấm lợp nhôm composite được Công ty đầu tư sản xuất trong năm 2011 với công nghệ tự động mới nhất của Đài Loan đạt độ đồng nhất cao về độ dày, thành phần nên có độ dẻo cao, chịu được lực uốn cong và căng kéo giúp thuận lợi cho thi công và thiết kế. Trong quá trình sản xuất, sản phẩm được bổ sung thành phần phụ gia chống cháy giúp công trình chống cháy và thích nghi với điều kiện khí hậu nắng nóng, bảo vệ tài sản, sức khỏe con người.

❖ Tấm mica (PS)

Sản phẩm tấm mica (PS) được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập polystyren được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng được tạo vân hoặc màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành trang trí nội thất và các vật liệu quảng cáo. Tới năm 2017, dự kiến năng lực sản xuất của Công ty đạt hơn 3.500 tấn/ năm.



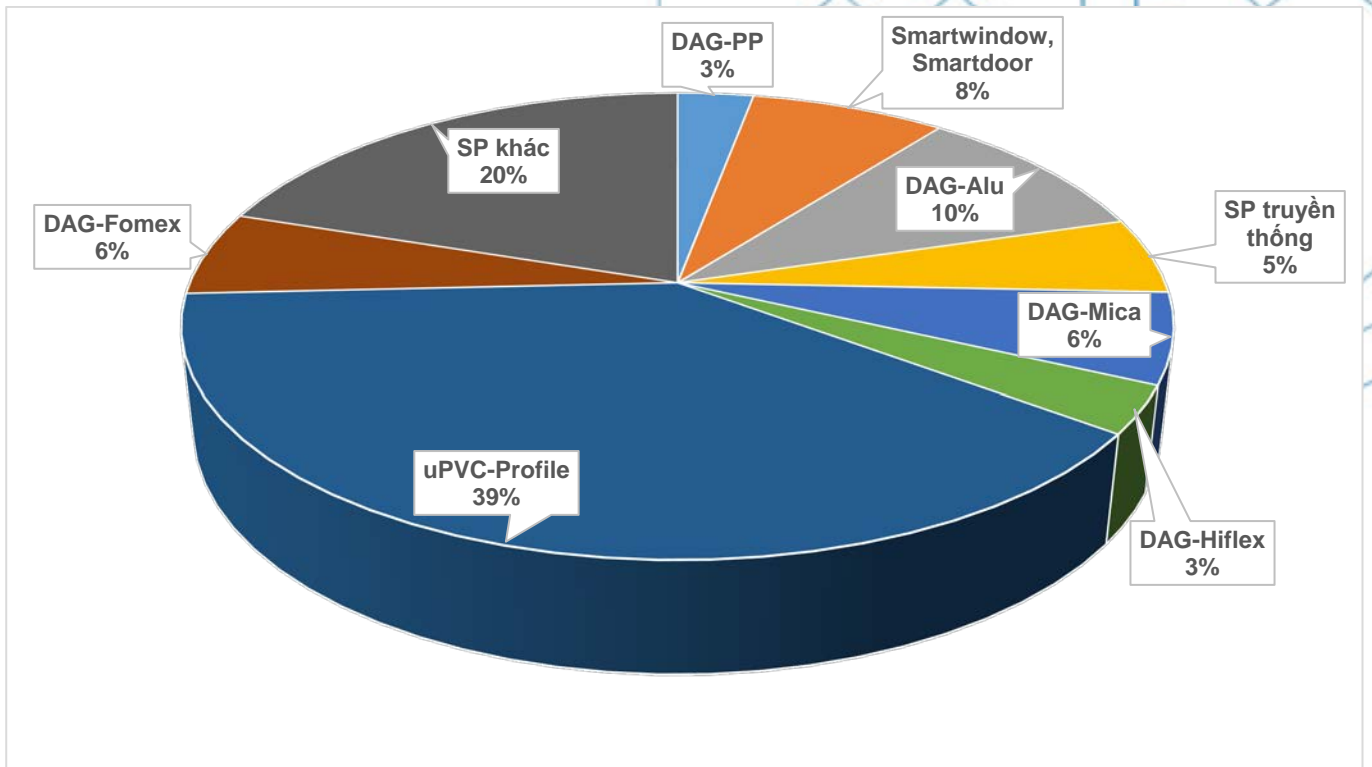
#### ❖ Nhóm sản phẩm Khác



Nhóm sản phẩm thương mại chủ yếu do Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á thực hiện.

Với chiến lược phát triển kinh doanh theo chiều sâu, rộng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng tăng và phục vụ cho xuất khẩu, ngoài các sản phẩm chủ lực, Công ty cũng chú trọng tới các sản phẩm thương mại; các sản phẩm vật liệu trang trí nội thất và xây dựng như tấm polycarbonate, tấm PMMA, tấm fomex, đèn can, giấy dán kính,...đây cũng là bước đi thử nghiệm, nghiên cứu sản phẩm làm nền tảng cho sản xuất sau này. Trong năm 2017, dự kiến Công ty sẽ đầu tư 02 dây chuyền sản xuất với công suất hơn 3.500 tấn/năm để chuyển dần từ thương mại sang sản xuất trực tiếp và từng bước phát triển nâng cao thị phần của Công ty trong dòng sản phẩm này.

Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm:



## IX. Tâm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh

### Tâm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

### Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

### Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

### Cam kết

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## I. Thành phần của HĐQT

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Lê Hải	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tánh	Thành viên HĐQT
4	Ông An Quang Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT

## II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong giai đoạn từ năm 2014 – 2015, kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu hồi phục. Tuy nhiên, tới năm 2016, nền kinh tế đã giảm tốc, GDP cả năm chỉ tăng trưởng đạt ~6,2%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, giá cả cùng với thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết: như hạn hán ở đồng bằng sông cửu long, dẫn đến rất nhiều nơi bị nhiễm mặn; sự cố môi trường biển miền Trung,... thì mức tăng trưởng này đã là sự nỗ lực rất lớn.

Đối với ngành bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng, theo đánh giá của các doanh nghiệp và các chuyên gia kinh tế, hoạt động đầu tư và kinh doanh năm 2016 -2017 sẽ tiếp tục khởi sắc, nhu cầu xây dựng nhà ở, công trình dân dụng trong năm 2017 sẽ tăng lên. Theo thống kê của Cục Quản lý nhà và Thị trường BĐS (Bộ Xây dựng), tổng giá trị tồn kho BĐS tính đến cuối tháng 2/2017 còn khoảng 29.573 tỷ đồng, giảm 1.450 tỷ đồng so với tháng 12/2016, tương đương mức giảm 4,67%. Bên cạnh đó, theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KHĐT), trong tháng 2/2017, dòng vốn FDI đổ vào BĐS đã lên tới 52,4 tỷ USD chiếm 17,6 tổng vốn đầu tư. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong 2 tháng đầu năm 2017, kinh doanh BĐS là lĩnh vực có số doanh nghiệp thành lập mới và vốn đăng ký tăng 43,4% về số doanh nghiệp và tăng 63,6% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Trong khi số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc giải thể của lĩnh vực này lại giảm 22,1%.

## III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị cũng đã tập trung và chỉ đạo theo dõi, thích ứng trước những biến động của thị trường để phát huy và tận dụng các cơ hội để tiếp tục phát triển kinh doanh. Từng quý, Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó kịp thời đưa ra định hướng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng đôn đốc tập trung lắp đặt, chạy thử và đi vào vận hành các dây chuyền sản xuất Profile tại nhà xưởng mới tại nhà máy Hà Nam để nâng cao năng lực sản xuất thanh Profile nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường miền Bắc, miền Trung và hướng tới cung cấp sản phẩm cho thị trường phía Nam. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của yếu tố khách quan, cũng như chủ quan, nên các dây chuyền Profile mới hoàn thành lắp đặt và vận hành chậm hơn so với dự kiến hơn 3 tháng nên ảnh hưởng phần nào đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đôn đốc, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc tìm kiếm, tiếp xúc, đàm phán với các đối tác quan tâm để thực hiện chủ trương phát hành 9.150.000 cổ phiếu, nhằm huy động vốn đầu tư thêm các dây chuyền, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất đối với sản phẩm PP, smartdoor, Mica và Formex trong năm 2017.

Đồng thời với việc tìm kiếm đối tác chiến lược, Hội đồng quản trị cũng họp và thông qua các thủ tục, hồ sơ chào bán cho đối tác chiến lược và thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và CBCNV để trình lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

#### **IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016**

Trong năm 2016, mặc dù ảnh hưởng bởi việc chậm tiến độ vận hành dây chuyền sản xuất Profile nhưng Công ty cũng đã đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh khả quan so với năm 2015:

	Năm 2016		Thực hiện năm 2015 (đồng)	Thực hiện so với	
	Thực hiện (đồng)	Kế hoạch (đồng)		Kế hoạch 2016	TH năm 2015
Doanh thu thuần	1.393 tỷ	1.468 tỷ	1.254 tỷ	-5%	11%
Lợi nhuận sau thuế	52,97 tỷ	55,7	40,39 tỷ	-5%	31%

Mặc dù, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 chưa đạt được như kỳ vọng đề ra trong kế hoạch năm 2016. HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc cũng như của toàn thể CBCNV đã trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Tích cực tìm kiếm đối tác chiến lược có thể đồng hành hỗ trợ và gắn bó với Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Tích cực xây dựng, mở rộng các đại lý trong thị trường miền Nam nhằm tiến tới xâm nhập và nâng cao thị phần của Công ty tại thị trường miền Nam trong những năm tới.
- Mặc dù bị chậm tiến độ do thay đổi kế hoạch lắp đặt từ 7 dây chuyền lên 17 dây chuyền Profile trong năm 2016. Nhưng, CBCNV nhà máy Hà Nam đã nỗ lực và chủ động phối hợp với chuyên gia lắp đặt để hoàn thiện và đi vào vận hành thành công nhà máy sản xuất Profile lớn nhất Việt Nam trong năm 2016.

#### **V. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2017**

Năm 2016 khép lại với số liệu doanh thu/lợi nhuận tăng trưởng khả quan so với năm 2015. Trên nhiều bình diện, cũng như bối cảnh chung của thị trường, Hội đồng quản trị đánh giá cao khả năng DAG đạt được kết quả kinh doanh khả quan cho các năm tài chính tiếp theo. Trong đó, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Doanh thu thuần	1.710 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	72 tỷ đồng
Cổ tức dự kiến	Tối thiểu 80% lợi nhuận sau thuế, ~14%

- **Về vị thế của DAG:** Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển DAG giai đoạn 2015-2020, quyết tâm đưa DAG phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành vật liệu nhựa công nghiệp phục vụ cho lĩnh vực xây dựng, quảng cáo và trang trí nội ngoại thất.

- **Về tăng vốn:** Thực hiện tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng vào năm 2017. Thúc đẩy việc tìm kiếm, hợp tác, liên doanh, liên kết với đối tác để nghiên cứu, đầu tư và phát triển sản phẩm mới với tính cạnh tranh và tỷ suất sinh lợi cao hơn.
  - **Về chiến lược kinh doanh:** Tiếp tục đẩy mạnh mọi hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới các đại lý, các nhà phân phối và các đơn vị sản xuất trực tiếp tiêu thụ sản phẩm của DAG để gia tăng thị phần. Đặc biệt, đối với sản phẩm Profile, tập trung đẩy mạnh thâm nhập, mở rộng thị trường phía Nam và nâng cao sức cạnh tranh đối với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.
  - **Về nhân lực:** Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp theo chủ trương của DAG, chuyên nghiệp hóa công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân sự có tính kế thừa, đặc biệt thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.
  - **Về sản xuất:** Duy trì ổn định sản xuất, tăng cường công tác bảo dưỡng, duy tu hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất; khắc phục những tồn tại – yếu kém trong tác nghiệp tại các Nhà máy và các phòng, ban, đơn vị khác thuộc Tập đoàn. Đầu tư thêm
    - ✓ 01 dây chuyền sản xuất tấm PP,
    - ✓ 02 dây chuyền tấm Fomex,
    - ✓ 01 dây chuyền tấm Mica
    - ✓ 01 dây chuyền sản xuất smartdoor.
  - **Về khoa học và công nghệ, chất lượng sản phẩm:** Đầu tư và tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nâng cao công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị tốt hơn nữa để đảm bảo tăng năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.
  - **Về thương hiệu:** Sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương tiện, các kênh thông tin đại chúng cho các hoạt động Marketing, PR hình ảnh của doanh nghiệp cũng như quảng bá nhãn hiệu của các sản phẩm của tập đoàn một cách sâu rộng, hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của tập đoàn để nâng cao tỷ lệ nhận diện thương hiệu DAG, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm DAG.
- Về trách nhiệm xã hội và môi trường:** Tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh DAG thân thiện, hướng đến và có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

# BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2016, kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động. Tốc độ tăng trưởng GDP không đạt chỉ tiêu đề ra; ngành nông – lâm – thủy sản gặp nhiều khó khăn vì thiên tai, hạn hán; ngành khai thác khoáng sản giảm sâu tác động mạnh đến mức tăng trưởng chung... Tuy nhiên, về chủ đạo, kinh tế Việt Nam đã có nhiều cải thiện đáng kể. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015.

Trong năm 2016, thị trường BĐS tiếp tục phát triển mạnh hơn với sự riêng biệt của từng phân khúc thị trường. Lượng vốn tồn đọng trong các BĐS tồn kho giảm. Các dự án phát triển BĐS đã phân tích, đầu tư mang tính chuyên nghiệp hơn dựa vào quan hệ cung – cầu trên thị trường. Nhiều nhà đầu tư chuyên nghiệp với tiềm năng lớn đang tung ra thị trường nhiều loại hàng hóa BĐS đa dạng hơn. Từ những dấu hiệu của thị trường BĐS năm 2016, có thể thấy thị trường BĐS Việt Nam có những bước phát triển mạnh hơn, mang tính chuyên nghiệp hơn. Trong năm 2017, phân khúc nhà ở vẫn là phân khúc quan trọng của thị trường BĐS, và có cơ hội phát triển mạnh do nhu cầu nhà ở vẫn rất lớn và cung luôn không đủ. Đặc biệt với chính sách giảm lãi suất tín dụng của chính phủ, thị trường BĐS chắc chắn sẽ giúp cho thanh khoản thị trường BĐS tốt hơn.

Cùng song hành sự phát triển mạnh của BĐS, ngành nhựa vật liệu xây dựng nói chung và DAG nói riêng cũng có sự tăng trưởng khả quan:

Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Doanh thu			Lợi nhuận sau thuế		
		Năm 2016 (tỷ đồng)	Năm 2015 (tỷ đồng)	So sánh (%)	Năm 2016 (tỷ đồng)	Năm 2015 (tỷ đồng)	So sánh (%)
Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	743,7	4.365	3.564	22	397,6	366,2	9
Nhựa Bình Minh	454,8	3.678	2.970	24	627,4	518,9	21
Nhựa Đông Á	398,9	1.393	1.254	11	52,9	40,4	31
Nhựa Rạng Đông	228,5	1.194	1.139	5%	53,1	59,9	-11

## I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

A. Kết quả kinh doanh	Năm 2016 (tỷ đồng)	Năm 2015 (tỷ đồng)	Tăng/Giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.393	1.254	11%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	57,57	44,41	30%
3. Tổng lợi nhuận sau thuế	52,97	40,39	31%
<b>B. Bảng cân đối kế toán</b>			
1. Tổng tài sản	1.074,9	950	13%
- Tài sản ngắn hạn (hợp nhất)	716,2	697,9	3%
- Tài sản dài hạn (hợp nhất)	358,6	252	42%
2. Tổng nợ phải trả	576,3	483	19%
- Nợ ngắn hạn (hợp nhất)	376,8	343	10%
- Nợ dài hạn (hợp nhất)	199,5	140	43%



3. Tổng vốn chủ sở hữu	498,5	467	7%
Vốn chủ sở hữu (hợp nhất)	498,5	467	7%

So sánh chỉ tiêu tài chính năm 2015 và năm 2016

Chỉ số tài chính	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/Giảm
Vòng quay hàng tồn kho	2,81	2,91	-3%
Vòng quay tổng tài sản	1,37	1,43	-4%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,03	1,15	-10%
Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu	8,73%	8,3%	5%
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	4,62%	5,21%	13%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	10,62	8,65	23%
Hệ số Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	2,04	1,87	9%
Hệ số Doanh thu/Tổng tài sản	1,37	1,43	-4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu	10,62%	8,65%	23%
Lợi nhuận ròng/Cổ phiếu	1.328	1.013	31%

Qua các chỉ tiêu tài chính năm 2016, so với năm 2015, Công ty cũng đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để mang lại doanh thu và lợi nhuận cao cho công ty với các chỉ tiêu tài chính đều được cải thiện đáng kể: Tổng tài sản tăng 13%, trong đó nguồn vốn chủ sở hữu tăng 7%, doanh thu tăng so với năm 2015 là 11%; lợi nhuận sau thuế tăng 31%; tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản tăng 13%. Trong năm 2016 đã hoàn thiện lắp đặt dây chuyền profile để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như tránh tác động của giá nguyên liệu tăng Ban Tổng Giám đốc đã nhập bổ sung thêm nguyên liệu sản xuất thanh profile so với cùng kỳ thông qua các nguồn vốn tín dụng ngắn hạn và dài hạn.

Có được kết quả hoạt động kinh doanh khả quan của năm 2016 là nhờ sự định hướng sáng suốt trong các quyết sách của HĐQT, sự nhạy bén và xử lý linh hoạt của Ban Tổng giám đốc và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV của Tập đoàn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý nhiều năm kinh nghiệm và nhiệt huyết của công ty.

## II. Các thành tựu nổi bật trong năm 2016:

Bên cạnh các kết quả về tài chính, trong năm 2016, DAG đã triển khai và đạt được các kết quả nổi bật sau:

- **Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy Sản xuất thanh Profile hiện đại nhất Việt Nam** tại khu công nghiệp Châu Sơn - Hà Nam với 17 dây chuyền sản xuất mới nâng tổng số công suất lên 30 dây chuyền kèm theo Hệ thống máy trộn điện tử hoàn toàn tự động và Hệ thống các máy móc, thiết bị phụ trợ đồng bộ. Với hệ thống sản xuất mới được đầu tư này, năng lực sản xuất của công ty được nâng lên gấp 2,5 lần so với trước đây và tạo lợi thế về khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường của sản phẩm DAG.
- **Triển khai trọng tâm và liên tục công tác quảng bá thương hiệu DAG:** Với các sản phẩm đã tạo được uy tín và thương hiệu trong thời gian vừa qua, trong năm 2016, DAG đã nhận được Cúp Vàng thương hiệu mạnh tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Xây dựng VietBuild năm 2016, Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2016 do Người tiêu dùng bình chọn, Giải thưởng

thương hiệu mạnh 2016 do Thời báo kinh tế bình chọn. Một điểm nổi bật nữa, trong năm 2016 DAG đã nhận được nhiều sự quan tâm của các tổ chức tài chính lớn đến thăm và làm việc của gần 50 đoàn các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, các đối tác từ các nước Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, ... quan tâm tới quá trình phát triển của DAG. Đồng thời, nhằm quảng bá, giới thiệu hình ảnh của Công ty, trong năm 2016, Công ty đã tham gia hội thảo VietNam Access Day do Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt tổ chức, và tham gia hội thảo “Ngành Nhựa xây dựng Việt Nam – Câu chuyện cạnh tranh trên sân nhà. Gặp gỡ Công ty cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á” do Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh cùng Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Công thương tổ chức tại TP Hồ Chí Minh.

- **Cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất và đào tạo, nâng cao năng lực của CBCNV:** Với đặc thù là đơn vị sản xuất công nghiệp đòi hỏi hệ thống quản lý phải có tính khoa học và gắn kết cao nhằm tạo ra hiệu quả trong sản xuất, trong năm 2016, DAG đã áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, tạo sự nhất quán trong công việc.
- **Chú trọng và đẩy mạnh hệ thống mạng lưới bán hàng, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ:** Với định hướng phát triển phải hướng tới khách hàng, trong năm 2016, DAG đã từng bước triển khai hoạt động mở rộng hệ thống đại lý, các nhà phân phối tới các tỉnh phía Nam.

### III. Kế hoạch và phương hướng triển khai năm 2017

#### 1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2017

Căn cứ trên kết quả đạt được năm 2016, bối cảnh thị trường năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

- Doanh thu: **1.710 tỷ đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **72 tỷ đồng.**

#### 2. Phương hướng triển khai thực hiện kế hoạch 2017

- **Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:** Tiếp tục mở rộng thị trường tại các khu vực có tiềm năng cao tiêu thụ sản phẩm như thị trường miền Nam, khu vực miền Trung và các tỉnh Tây Bắc. Quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty tới người tiêu dùng thông qua hoạt động quảng cáo trên VOV giao thông, các biển bảng ngoài trời. Đặc biệt, Công ty tổ chức các hội thảo khách hàng tại các tỉnh, thành để giới thiệu, tìm kiếm đại lý, nhà phân phối nhằm củng cố và phát triển theo chiều rộng hệ thống Nhà phân phối, đại lý; gia tăng độ phủ thị trường, từng bước chiếm lĩnh và dẫn đầu thị trường với các sản phẩm DAG có lợi thế cạnh tranh cao: thanh profile, tấm fomex, tấm pp, tấm mica, tấm alu.
- **Về công tác quy hoạch các sản phẩm chủ lực:** Quy hoạch tập trung sản xuất các sản phẩm chủ lực đang có lợi thế trên thị trường như thanh nhựa Profile, tấm Fomex, tấm PP, tấm Alu, tấm Mica... theo hướng triển khai theo quy mô sản xuất công nghiệp, tạo lợi thế về giá bán đối với các sản phẩm

cùng loại so với các đối thủ cũng như chiếm lĩnh được thị trường, sự tin tưởng của các nhà phân phối và khách hàng.

➤ **Chú trọng nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm:** Trong năm 2017, tập trung lắp đặt, nhanh chóng hoàn thành lắp đặt:

- ✓ 01 dây chuyền sản xuất tấm PP,
- ✓ 02 dây chuyền tấm Fomex,
- ✓ 01 dây chuyền tấm Mica
- ✓ 01 dây chuyền sản xuất smartdoor.

➤ **Công tác nguồn vốn và tăng cường năng lực tài chính:** Tiếp tục thực hiện định hướng nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nhằm đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng và bổ sung một phần nguồn vốn lưu động cho việc nhập nguyên vật liệu sản xuất. Đồng thời, tiếp tục sử dụng cơ cấu vốn vay các tổ chức tín dụng ở mức hợp lý phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh tạo thế và lực cho sự phát triển trong những năm tới. Công tác kiểm soát các tỷ lệ an toàn tài chính cũng luôn được chú trọng để đảm bảo công ty vận hành một cách hiệu quả nhất.

**Kiểm soát nội bộ, kiểm soát hệ thống và hoạt động đào tạo:** Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội thông qua các hoạt động giám sát tuân thủ đối với các phòng ban, nhà máy nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả. Luôn chú trọng công tác kiểm soát hệ thống nhằm tạo ra sự đồng bộ và tính hiệu quả của sự kết hợp công tác giữa các bộ phận. Định kỳ tổ chức đào tạo cán bộ về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm công tác cũng như các kiến thức kỹ thuật, quản lý để tạo dựng được đội ngũ cán bộ ngày càng vững chắc, đảm bảo đủ năng lực để tạo ra sự phát triển cho công ty. Định kỳ đào tạo, kiểm tra việc tuân thủ thực hiện tiêu chuẩn ISO 9001 – 2015 trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



# Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà  
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 04. 6267 0491/492/493 Fax: 04. 6267 0494  
Website: [www.vae.com.vn](http://www.vae.com.vn)

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng  
Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 08. 6294 1117 / 6252 1818 - Fax: 08. 6294 1119

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Chủ tịch
Ông An Quang Hiếu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Ủy viên
Ông Ito Junichi	Ủy viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**



**Nguyễn Bá Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Đã  
IG  
- HEM  
NVA  
TN  
ty -





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: *40* -17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày *0* tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2017 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Thu Huyền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>716.221.372.772</b>	<b>697.892.417.850</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>36.499.044.560</b>	<b>13.122.324.291</b>
1 Tiền	111		36.499.044.560	13.122.324.291
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>222.644.143.592</b>	<b>288.727.294.173</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	120.108.780.472	142.521.942.847
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	94.140.225.162	77.507.822.675
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	13.240.060.370	72.544.095.601
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.844.922.412)	(3.846.566.950)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>452.109.265.704</b>	<b>395.203.740.724</b>
1 Hàng tồn kho	141		452.344.779.740	395.203.740.724
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(235.514.036)	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.968.918.916</b>	<b>839.058.662</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	2.251.364.637	464.445.210
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.722.665.426	26.253.573
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	994.888.853	348.359.879
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>358.645.820.625</b>	<b>252.112.556.297</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.146.109.704</b>	<b>1.581.706.706</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	43.530.646.988	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	1.615.462.716	1.581.706.706
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>267.903.957.407</b>	<b>146.863.252.007</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	228.012.000.912	109.995.837.770
- Nguyên giá	222		348.663.962.543	207.440.651.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.651.961.631)	(97.444.814.120)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8.	38.310.511.111	35.391.859.341
- Nguyên giá	225		52.932.338.583	50.864.352.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.621.827.472)	(15.472.493.510)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	1.581.445.384	1.475.554.896
- Nguyên giá	228		2.190.109.854	1.879.059.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(608.664.470)	(403.504.958)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10.</b>	<b>4.920.646.652</b>	<b>4.920.646.652</b>
- Nguyên giá	231		5.214.306.300	5.214.306.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(293.659.648)	(293.659.648)
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11.</b>	<b>26.127.575.026</b>	<b>89.017.321.369</b>
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		26.127.575.026	89.017.321.369
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.547.531.836</b>	<b>9.729.629.563</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	14.547.531.836	9.729.629.563
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.074.867.193.397</b>	<b>950.004.974.147</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>576.331.650.277</b>	<b>483.003.323.941</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>376.849.168.668</b>	<b>343.040.561.219</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	77.746.459.960	100.510.900.321
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.291.608.554	5.644.295.415
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	4.475.988.361	8.412.896.707
4 Phải trả người lao động	314		3.708.562.237	2.233.317.328
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	575.354.000	1.279.922.096
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19.	500.323.568	79.204.816
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	24.135.428.345	15.502.667.101
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	242.216.133.581	206.946.469.972
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21.	278.095.550	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.921.214.512	2.430.887.463
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>199.482.481.609</b>	<b>139.962.762.722</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331	V.14.	15.728.005.890	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19.	-	40.000.000
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	555.000.000	555.000.000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	129.699.475.719	85.867.762.722
9 Trái phiếu chuyển đổi	339	V.20.	53.500.000.000	53.500.000.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>498.535.543.120</b>	<b>467.001.650.206</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23.</b>	<b>498.535.543.120</b>	<b>467.001.650.206</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		398.900.000.000	398.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		398.900.000.000	398.900.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		8.021.921.439	8.021.921.439
5 Cổ phiếu quỹ	415		(2.100.000)	(2.100.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		25.847.204.177	24.356.877.127
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.408.737.696	5.918.410.646
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.359.779.808	29.806.540.994
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.390.664.845	(10.587.481.564)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.969.114.963	40.394.022.558
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.074.867.193.397</b>	<b>950.004.974.147</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phí Thị Thúy Hà

Ngô Thị Hòa

Nguyễn Bá Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.393.256.394.889	1.254.000.821.029
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		113.717.719	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		1.393.142.677.170	1.254.000.821.029
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.271.466.893.151	1.149.892.564.965
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		121.675.784.019	104.108.256.064
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	707.694.694	1.403.053.896
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	29.915.780.973	28.905.934.837
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.914.070.375	27.712.799.527
8 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	12.523.748.377	11.832.384.629
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	22.924.967.709	19.785.112.195
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		57.018.981.654	44.987.878.299
12 Thu nhập khác	31	VI.6.	1.238.502.621	828.607.077
13 Chi phí khác	32	VI.7.	685.499.469	1.405.907.765
14 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		553.003.152	(577.300.688)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		57.571.984.806	44.410.577.611
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.602.869.843	4.016.555.053
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		52.969.114.963	40.394.022.558
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		52.969.114.963	40.394.022.558
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	1.327,89	1.632,78

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng




Phí Thị Thúy Hà

Ngô Thị Hòa



Nguyễn Bá Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Năm 2016	Năm 2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		57.571.984.806	44.410.577.611
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ	02		23.313.056.723	19.082.582.143
-	Các khoản dự phòng	03		1.511.965.048	1.090.826.181
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.809.138.593	29.652.004
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(737.000.295)	(68.932.487)
-	Chi phí lãi vay	06		26.914.070.375	27.712.799.527
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		110.383.215.250	92.257.504.979
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.177.451.294	(101.916.212.607)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(57.141.039.016)	6.240.166.535
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.295.915.795	(28.929.004.344)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.604.821.700)	1.450.063.952
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(26.914.070.375)	(27.712.799.527)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.881.767.056)	(3.353.241.195)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(34.344.354.567)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.314.884.192	(96.307.876.774)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(104.929.930.699)	(101.346.614.758)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		856.134.947	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.615.267	68.932.487
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(104.053.180.485)	(101.277.682.271)
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	239.496.940.939
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.100.000)
3.	Tiền thu từ đi vay	33		585.330.276.480	660.772.496.634
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(499.171.225.392)	(683.877.422.355)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(7.057.674.482)	(11.250.610.562)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		79.101.376.606	205.139.304.656
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		23.363.080.313	7.553.745.611
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.122.324.291	5.598.230.684
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.639.956	(29.652.004)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	36.499.044.560	13.122.324.291

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Phí Thị Thúy Hà

Ngô Thị Hòa

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017  
**Tổng Giám đốc**  
 TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á  
 H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI  
 Nguyễn Bá Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 29/09/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: 398.900.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi tám tỷ, chín trăm triệu đồng).

Tổng số cổ phần: 39.890.000 cổ phần;

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Mã cổ phiếu: DAG

Sàn giao dịch: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE)

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Tái chế phế liệu; đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Cho thuê xe có động cơ; Khai thác muối;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm.

Trụ sở Công ty: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số các Công ty con: 3

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 3

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Danh sách các công ty con được hợp nhất:

+ Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam

Địa chỉ: Lô 1 - CN 5 Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam

Vốn điều lệ: 159.330.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 159.330.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Lô số 36 KCN Tân Tạo, Đường Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 35.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng. Trong đó:

- Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua -

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3-7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

**6.3 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

*Loại tài sản cố định*

*Thời gian khấu hao (Năm)*

Phần mềm kế toán

4

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

*Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm TSCĐ, xây dựng nhà xưởng sản xuất thanh Profile, chi phí sửa chữa nhà xưởng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng, tiền thuê đất trả trước được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhập thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước tiền phí kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 trên cơ sở hợp đồng đã ký nhưng chưa nhận được hóa đơn, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, chi phí xây dựng cơ sở hạ, nhập container phải trả thực tế đã chi nhưng chưa có hóa đơn, được ghi trên cơ sở hợp đồng đã ký được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Tại thời điểm 31/12/2016 Công ty lập thêm dự phòng phải trả theo số chênh lệch lớn hơn giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về thuê văn phòng và thuê tài sản là kho bãi tại Thành phố Hồ Chí Minh, được ghi nhận dựa trên hợp đồng và chứng từ mà bên thuê đã thanh toán trước.

**16. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**20. Nguyên tắc chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**22.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ lắp đặt.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Riêng Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất 20%; miễn 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2016 là năm thứ 10 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>36.499.044.560</b>	<b>13.122.324.291</b>
Tiền mặt	817.946.080	392.882.160
Tiền gửi ngân hàng	35.681.098.480	12.729.442.131
<b>Cộng</b>	<b>36.499.044.560</b>	<b>13.122.324.291</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>120.108.780.472</b>	<b>4.041.922.412</b>	<b>142.521.942.847</b>	<b>3.043.566.950</b>
Công ty TNHH V&H Việt Nam	14.171.619.479	-	24.921.388.012	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hùng Phát	1.988.911.290	-	7.081.499.164	-
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	29.114.774.858	-	24.364.431.985	-
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và Hóa chất Hoàng Nam	13.861.574.971	-	319.999.999	-
Các đối tượng khác	60.971.899.874	4.041.922.412	85.834.623.687	3.043.566.950
<b>b) Dài hạn</b>	<b>43.530.646.988</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc Tế	23.254.766.588	-	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.275.880.400	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>163.639.427.460</b>	<b>4.041.922.412</b>	<b>142.521.942.847</b>	<b>3.043.566.950</b>

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đông Á	23.829.632.165	23.829.632.165



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Shanghai Xiesheng Manufacturing Co., LTD	12.638.718.670	34.038.076.800
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	39.949.639.849	-
Các đối tượng khác	17.722.234.478	19.640.113.710
<b>Cộng</b>	<b>94.140.225.162</b>	<b>77.507.822.675</b>

**4. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	13.240.060.370	-	72.544.095.601	-
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	2.774.400.306	-	2.239.941.633	-
Các đối tượng khác	384.529.291	-	222.834.486	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>67.094.553.818</b>	<b>-</b>
Nguyễn Bá Hùng	6.500.000.000	-	67.094.073.818	-
Cá đối tượng khác	-	-	480.000	-
Cầm cổ ký cược ký	3.965.660.064	-	3.209.600.150	-
<i>b) Dài hạn</i>				
Cầm cổ ký cược ký quỹ	1.615.462.716	-	1.581.706.706	-
<b>Cộng</b>	<b>14.855.523.086</b>	<b>-</b>	<b>74.125.802.307</b>	<b>-</b>

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**5. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có</i>				
<i>a) Phải thu khách hàng</i>				
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	8.932.758.523	4.890.836.111	11.768.394.947	8.724.827.997
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Vinaconex	901.251.678	901.251.678	1.553.283.696	776.641.848
CN Công ty CP Xây dựng số 15 (C106/N05)	30.318.652	-	30.318.652	10.159.326
CN Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp - XN Số 5	299.080.677	-	299.080.677	69.540.338
	286.568.360	-	286.568.360	286.568.360



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex-Dự án Chợ Mơ	2.762.831.454	1.918.982.018	4.104.680.981	4.104.680.981
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP Xây dựng Số 1 Hà Nội	540.964.459	162.289.337	540.964.459	540.964.459
Công ty CP Thiết bị rự động hoá AMC	1.739.848.991	1.385.353.461	354.495.530	354.495.530
Standard International	-	-	333.588.863	100.076.659
Techzone Global Trading Company	-	-	946.100.869	283.830.261
Công ty CP Traco Thăng Long	-	-	450.000.400	-
Công ty TNHH Thương mại xây dựng	-	-	192.000.616	94.981.308
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khách sạn Sapa D089	30.033.134	-	30.033.134	-
Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng An Lập	27.721.401	-	27.721.401	27.721.401
Công ty TNHH Hồng Thể Plastic	1.301.231.937	-	1.413.281.937	1.413.281.937
Công ty TNHH Sản xuất thương mại XNK Minh Ngọc	415.373.338	207.686.669	415.373.338	415.373.338
Công ty CP Sản xuất thương mại XNK Minh Ngọc	242.657.262	121.328.631	242.657.262	242.657.262
Các đối tượng khác	354.877.180	193.944.317	548.244.772	3.854.989
<b>b) Trả trước cho người bán</b>	<b>803.000.000</b>	<b>-</b>	<b>803.000.000</b>	
Guangxi Pingxiang Yingtai	803.000.000	-	803.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>9.735.758.523</b>	<b>4.890.836.111</b>	<b>12.571.394.947</b>	<b>8.724.827.997</b>

**6. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	231.465.643.706	-	187.783.520.592	-
Công cụ, dụng cụ	329.556.503	-	2.153.492.531	-
Chi phí SXKD dở dang	3.029.647.473	-	20.827.762.627	-
Thành phẩm	63.657.903.284	49.511.806	50.661.620.455	-
Hàng hóa	153.862.028.774	186.002.230	133.777.344.519	-
<b>Cộng</b>	<b>452.344.779.740</b>	<b>235.514.036</b>	<b>395.203.740.724</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị là 235.514.036 VND.

Tại ngày 31/12/2016, hàng tồn kho với giá trị là 130.000.000.000 VND đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2016	100.135.997.858	87.992.667.977	17.787.622.616	1.524.363.439	207.440.651.890
Mua trong năm	-	1.739.380.682	781.818.182	96.290.000	2.617.488.864
Đầu tư XDCB hoàn thành	52.530.000.000	97.791.072.632	-	-	150.321.072.632
Tăng khác (*)	-	12.502.079.814	-	-	12.502.079.814
Thanh lý, nhượng bán	-	(22.477.586.293)	(1.739.744.364)	-	(24.217.330.657)
<b>Số dư ngày 31/12/2016</b>	<b>152.665.997.858</b>	<b>177.547.614.812</b>	<b>16.829.696.434</b>	<b>1.620.653.439</b>	<b>348.663.962.543</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2016	25.381.638.922	57.665.439.821	12.998.579.049	1.399.156.328	97.444.814.120
Khấu hao trong năm	4.360.977.352	10.720.673.506	1.449.436.664	156.589.333	16.687.676.855
Tăng khác (*)	-	7.427.213.814	-	-	7.427.213.814
Thanh lý, nhượng bán	-	(385.057.657)	(366.358.081)	-	(751.415.738)
Giảm khác (**)	-	(156.327.420)	-	-	(156.327.420)
<b>Số dư ngày 31/12/2016</b>	<b>29.742.616.274</b>	<b>75.271.942.064</b>	<b>14.081.657.632</b>	<b>1.555.745.661</b>	<b>120.651.961.631</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2016	74.754.358.936	30.327.228.156	4.789.043.567	125.207.111	109.995.837.770
Tại ngày 31/12/2016	122.923.381.584	102.275.672.748	2.748.038.802	64.907.778	228.012.000.912

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.989.357.413 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.861.753.604 VND

-(\*): Tăng khác là chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2016	50.864.352.851	-	50.864.352.851
Thuê tài chính trong năm	13.919.850.017	640.215.529	14.560.065.546
Giảm khác (*)	(12.492.079.814)	-	(12.492.079.814)
Số dư ngày 31/12/2016	52.292.123.054	640.215.529	52.932.338.583
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2016	15.472.493.510	-	15.472.493.510
Khấu hao trong năm	6.400.880.511	19.339.845	6.420.220.356
Tăng khác	156.327.420		156.327.420
Giảm khác (*)	(7.427.213.814)	-	(7.427.213.814)
Số dư ngày 31/12/2016	14.602.487.627	19.339.845	14.621.827.472
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2016		-	35.391.859.341
Tại ngày 31/12/2016		620.875.684	38.310.511.111

(\*) Giảm khác là chuyển sang TSCĐ hữu hình.

**9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	1.879.059.854	1.879.059.854
Mua trong năm	311.050.000	311.050.000
Số dư ngày 31/12/2016	2.190.109.854	2.190.109.854
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	403.504.958	403.504.958
Khấu hao trong năm	205.159.512	205.159.512
Số dư ngày 31/12/2016	608.664.470	608.664.470
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2016	1.475.554.896	1.475.554.896
Tại ngày 31/12/2016	1.581.445.384	1.581.445.384

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 387.972.800 VND

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá	5.214.306.300	-	-	5.214.306.300
Quyền sử dụng đất	5.214.306.300	-	-	5.214.306.300
Tồn thất do suy giảm giá trị	293.659.648	-	-	293.659.648
Quyền sử dụng đất (*)	293.659.648	-	-	293.659.648
Giá trị còn lại	4.920.646.652	-	-	4.920.646.652
Quyền sử dụng đất	4.920.646.652	-	-	4.920.646.652

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2016 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2016 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

(\*) Tồn thất do suy giảm giá trị là chi phí khấu hao Bất động sản đầu tư từ những năm trước, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

Từ năm 2015 Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Giá trị còn lại cuối kỳ của Bất động sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.920.646.652 VND

**11. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Xây dựng nhà xưởng	19.674.575.378	52.973.791.961
Dự án KCN Hà Nam	6.142.732.698	35.733.262.458
Công trình sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	310.266.950	310.266.950
<b>Cộng</b>	<b>26.127.575.026</b>	<b>89.017.321.369</b>

**12. Chi phí trả trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	2.251.364.637	464.445.210
Cộng cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.251.364.637	464.445.210
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	14.547.531.836	9.729.629.563
Cộng cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	5.254.213.375	538.508.633
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	9.293.318.461	9.191.120.930
<b>Cộng</b>	<b>16.798.896.473</b>	<b>10.194.074.773</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>242.216.133.581</b>	<b>242.216.133.581</b>	<b>527.259.789.009</b>	<b>491.990.125.400</b>	<b>206.946.469.972</b>	<b>206.946.469.972</b>
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>242.216.133.581</i>	<i>242.216.133.581</i>	<i>527.259.789.009</i>	<i>491.990.125.400</i>	<i>206.946.469.972</i>	<i>206.946.469.972</i>
(1) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	27.310.852.104	27.310.852.104	42.102.505.939	19.970.043.077	5.178.389.242	5.178.389.242
(2) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.740.730.661	14.740.730.661	89.218.369.188	178.983.883.905	104.506.245.378	104.506.245.378
(3) Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	26.407.305.946	26.407.305.946	54.740.903.862	76.546.561.771	48.212.963.855	48.212.963.855
(4) Ngân hàng United Overseas Bank Limited	-	-	39.522.000.000	49.702.000.000	10.180.000.000	10.180.000.000
(5) Ngân hàng TMCP Quốc tế	-	-	3.500.000.000	15.568.596.500	12.068.596.500	12.068.596.500
(6) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	78.911.238.393	78.911.238.393	197.174.853.023	145.063.889.627	26.800.274.997	26.800.274.997
(7) Ngân hàng Malayan Banking Berhad	43.972.364.658	43.972.364.658	43.972.364.658	-	-	-
(8) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	50.873.641.819	50.873.641.819	53.628.792.339	2.755.150.520	-	-
Vay cá nhân	-	-	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>129.699.475.719</b>	<b>129.699.475.719</b>	<b>58.070.487.471</b>	<b>14.238.774.474</b>	<b>85.867.762.722</b>	<b>85.867.762.722</b>
<i>b1) Vay dài hạn</i>	<i>85.204.866.303</i>	<i>85.204.866.303</i>	<i>29.565.264.203</i>	<i>7.181.099.992</i>	<i>62.820.702.092</i>	<i>62.820.702.092</i>
(9) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.171.832.959	84.171.832.959	28.965.264.203	7.000.000.000	62.206.568.756	62.206.568.756
(10) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ	482.533.344	482.533.344	-	131.599.992	614.133.336	614.133.336
(11) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	550.500.000	550.500.000	600.000.000	49.500.000	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

<i>b2) Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<b>44.494.609.416</b>	<b>44.494.609.416</b>	<b>28.505.223.268</b>	<b>7.057.674.482</b>	<b>23.047.060.630</b>	<b>23.047.060.630</b>
(12) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	24.401.613.416	24.401.613.416	9.645.296.068	4.695.907.002	19.452.224.350	19.452.224.350
(13) Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.228.596.000	19.228.596.000	17.601.927.200	637.050.000	2.263.718.800	2.263.718.800
(14) Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	864.400.000	864.400.000	1.258.000.000	1.724.717.480	1.331.117.480	1.331.117.480
<b>Cộng</b>	<b>371.915.609.300</b>	<b>371.915.609.300</b>	<b>585.330.276.480</b>	<b>506.228.899.874</b>	<b>292.814.232.694</b>	<b>292.814.232.694</b>

**c) Các khoản nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm 2016			Năm 2015		
	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	10.351.155.318	3.293.480.836	7.057.674.482	11.833.163.301	582.552.739	11.250.610.562
<b>Cộng</b>	<b>10.351.155.318</b>	<b>3.293.480.836</b>	<b>7.057.674.482</b>	<b>11.833.163.301</b>	<b>582.552.739</b>	<b>11.250.610.562</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(1) Vay Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam. Phụ lục hợp đồng ngày 14/10/2016 thay đổi hạn mức tín dụng là 7.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay đến hết ngày 02/07/2017.

- Khoản vay Ngân hàng Shinhan Việt Nam theo hợp đồng số 130000446932 ngày 05/07/2016 với thời hạn mức tối đa 20.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động, mở thư tín dụng trả ngay, trả chậm và giải ngân thanh toán thư tín dụng. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30.000.000.000 VND và Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Bá Hùng.

(2) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTĐ/14168 ngày 22/09/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VND, lãi suất tại thời điểm giải ngân và thời hạn vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là 02 dây chuyền sản xuất thanh profile, hiệu JH (Jinhu) model SJZ65/132+ YF240A, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa lô đất số D2, khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 63.237.900.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTĐ/16126 ngày 16/12/2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất vay 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTĐ/13114 ngày 02/08/2013.

(3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1186228/NHUADONGA-VPBANK ngày 22/12/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục ngày 24/12/2015 về việc thay đổi thời hạn của hạn mức tín dụng. Thời hạn mới của hạn mức tín dụng: Tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/02/2016.

- Khoản vay theo hợp đồng số 11032014/CB/VPB-TĐNĐA/01 ngày 11/03/2014 với hạn mức tối đa 70.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:  
+ Ký quỹ: Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, khách hàng sẽ ký quỹ số tiền tối thiểu bằng 5% giá trị của L/C.  
+ Thế chấp hàng hóa là hàng tồn kho luân chuyển. Giá trị hàng tồn kho luân chuyển bằng hoặc lớn hơn tổng số dư vay vốn, bảo lãnh L/C của khách hàng tại Bên Ngân hàng và dư nợ ngắn hạn của Khách hàng tại Ngân hàng TMCP Quân đội. Phương thức quản lý theo quy định của Bên Ngân hàng.

- Khoản vay theo hợp đồng số 1186228/NHUADONGA-VPB ngày 23/05/2016 với thời hạn mức tối đa 120.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:  
+ Ký quỹ: Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, khách hàng sẽ ký quỹ số tiền tối thiểu bằng 5% giá trị của L/C.  
+ Thế chấp hàng hóa là hàng tồn kho luân chuyển; bất động sản; Động sản; Hợp đồng tiền gửi/ số tiết kiệm của khách hàng hoặc bên thứ ba được bên ngân hàng chấp thuận.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(4) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10220150626-01 ngày 26/06/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD, lãi suất cho vay thời hạn tối đa không quá 6 tháng là 2,25%/năm cộng với Chi phí vốn của ngân hàng tùy từng thời điểm, lãi suất cho vay tối đa 48 tháng là 3,5%/năm cộng với Chi phí vốn của ngân hàng tùy từng thời điểm, mục đích vay để mở LC cho nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa và máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục số UOB/HCMC/CCOD-030 ngày 02/07/2015 về việc thay đổi phí lần đầu, từ 3.000 USD xuống còn 1.500 USD.

(5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 088DN91/2015/HỆTD/VIB-NHUADONGA ngày 28/07/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, tài sản đảm bảo là các mặt hàng nhập khẩu và các tài sản đảm bảo khác.

(6) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2016/7610660/HỆTD ngày 06/07/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng trong đó bao gồm cả dự nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2015/7610660/HỆTD ngày 27/10/2015, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phủ Lý, Hà Nam; Xe ô tô Bentley - BKS 29A-398.88 và xe ô tô Fortuner BKS 29A-204.26 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và các phụ lục sửa đổi bổ sung; Thế chấp các tài sản của Công ty TNHH Nhựa Đông Á theo hợp đồng số 02/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và phụ lục sửa đổi bổ sung như sau: 01 máy sản xuất tấm PP - Loại máy 1400 PP, 01 máy sản xuất bạt chema 3600 - Loại máy 3600, 01 máy sản xuất thanh đùn nhựa Mica Model JWS120-1500 GPPS 380V/50HZ, 01 máy ép đùn tấm nhựa bọc nhôm, hoạt động bằng điện, loại đặt cố định Model JWS 170/35 aluminum - plastic, 02 máy sản xuất đùn thanh nhựa Profile - trọng tải 42.400 kg, dây chuyền máy sản xuất đùn thanh nhựa Profile Model SJZ/132/-YF240.

(7) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HN/LO/2016/0042 ngày 14/11/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD được cấp tại Ngân hàng Maybank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Maybank Chi nhánh Hà Nội, lãi suất cho vay đối với LC 0,1%/ tháng, tối thiểu 25USD, lãi suất cho vay tín khác có LC, cho vay tín khác theo DA/DP với tiền USD là chi phí cấp vốn + 1,5%/năm, với tiền VND là lãi suất cơ bản + 1,5%/năm, lãi suất cho vay thanh toán hóa đơn với USD là chi phí cấp vốn + 1,75%/năm, với VND lãi suất cơ bản + 1,75%/năm, thời hạn cho vay từng lần tối đa là 180 ngày, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản, tài sản đảm bảo là các khoản phải thu của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức, hàng tồn kho của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức.

(8) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 55/2016-HỆTDHMH/NHCT140-DAG ngày 22/07/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2017, lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 6,5%/năm, mục đích vay để thanh toán các chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là hoàn tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 57/2016-HỆTDHMH/NHCT140-SMARTWINDOW ngày 22/7/2016, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm đối với VND áp dụng theo chương trình "Kết nối khách hàng tiềm năng", thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2016, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng, mục đích cho vay để thanh toán các chi phí mua Nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 69/2016-HDDTCHH140-SMARTWINDOW ngày 27/07/2016.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 56/2016-HĐTDHM/NHCT140-TNHH NHUADONGA ngày 22/07/2016 với thời hạn mức tối đa 30.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán các chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển.

(9) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

(10) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

(11) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016. Tài sản thuê là 1 xe ô tô 7 chỗ, trị giá gốc tính cho thuê là 1.258.000.000 VND. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê trong vòng 72 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn

(12) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.

- Thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính số 2016-00177-001 ngày 05/10/2016 với các điều kiện cụ thể như sau: Tài sản thuê: 01 xe Toyota Camry LE sản xuất năm 2008 tại Mỹ, số khung 4T4BE46K89R-048525, số máy 2AZ-9120543, BKS 29A-632.98. Tổng giá trị hợp đồng thuê với nợ gốc là 640.215.529 đồng, trong đó, Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á trả trước 70.100.000 đồng, còn 570.115.529 đồng sẽ được thanh toán theo từng kỳ vào mỗi tháng. Thời hạn thanh toán: 37 tháng kể từ ngày 07/11/2016 đến hết ngày 07/11/2019. Lãi suất thuê từ ngày 07/11/2016 là 7,5%/năm trên cơ sở giá định một năm có 360 ngày. Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2016 là 594.807.574 đồng, số dư nợ gốc này là toàn bộ nợ thuê tài chính dài hạn.

(13) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 đồng.

(14) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016. Tài sản thuê là 1 xe ô tô 7 chỗ, trị giá gốc tính cho thuê là 1.258.000.000 VND. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 72 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn.



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**14. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>77.746.459.960</b>	<b>77.746.459.960</b>	<b>100.510.900.321</b>	<b>100.510.900.321</b>
Công ty TNHH Đầu tư và xuất nhập khẩu Hiền Vinh	-	-	3.512.478.334	3.512.478.334
Jampoo Union Corp	25.863.997.122	25.863.997.122	34.833.210.287	34.833.210.287
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hùng Phát	724.405.043	724.405.043	17.074.054.280	17.074.054.280
Foshan Gaoming Hengrui Export and	-	-	13.878.349.088	13.878.349.088
Itochu Corporation	24.616.192.003	24.616.192.003	-	-
Các đối tượng khác	26.541.865.792	26.541.865.792	31.212.808.332	31.212.808.332
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15.728.005.890</b>	<b>15.728.005.890</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	15.474.303.000	15.474.303.000	-	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	253.702.890	253.702.890	-	-
<b>Cộng</b>	<b>93.474.465.850</b>	<b>93.474.465.850</b>	<b>100.510.900.321</b>	<b>100.510.900.321</b>

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**15. Người mua trả tiền trước**

31/12/2016

01/01/2016

VND

VND

**Ngắn hạn**

Công ty CP Vimenco	4.347.466.800	-
Công ty TNHH V&H Việt Nam	3.558.299.989	-
Công ty CP Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	1.868.012.060	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ A Tổng	1.752.032.275	917.457.246
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Hoàng	1.434.736.726	-
Công ty TNHH Dây sợi rồng Á Châu	-	753.552.007
Các đối tượng khác	6.331.060.704	3.973.286.162
<b>Cộng</b>	<b>19.291.608.554</b>	<b>5.644.295.415</b>

**16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	<b>a) Phải nộp</b>			
Thuế GTGT	947.776.374	13.277.405.097	14.225.181.471	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	34.556.024	659.792.924	694.348.948	-
Thuế xuất nhập khẩu	119.518.328	708.095.245	827.613.573	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thuế TNDN	3.836.054.505	4.602.869.843	5.881.767.056	2.557.157.292
Thuế TNCN	646.836.089	822.213.194	470.998.454	998.050.829
Thuế tài nguyên		-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê	-	118.271.676	118.271.676	-
Các loại thuế khác	2.824.856.740	625.511.302	2.532.886.449	917.481.593
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.298.647	-	-	3.298.647
<b>Cộng</b>	<b>8.412.896.707</b>	<b>20.814.159.281</b>	<b>24.751.067.627</b>	<b>4.475.988.361</b>

**b) Phải thu**

Thuế GTGT hàng nhập khẩu	113.542.626	12.348.044.402	12.874.625.533	640.123.757
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	119.947.843	119.947.843
Thuế TNDN	231.817.253	-	-	231.817.253
Các loại thuế khác	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>348.359.879</b>	<b>12.351.044.402</b>	<b>12.997.573.376</b>	<b>994.888.853</b>

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước phí kiểm toán	175.000.000	-
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam	371.344.000	1.250.912.096
Chi phí nhập container	29.010.000	29.010.000
<b>Cộng</b>	<b>575.354.000</b>	<b>1.279.922.096</b>

**18. Phải trả khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>24.135.428.345</b>	<b>15.502.667.101</b>
Kinh phí công đoàn;	584.483.140	138.867.850
Bảo hiểm xã hội; BHYT	526.909.834	136.208.199
Bảo hiểm thất nghiệp;	-	10.448.310
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	23.024.035.371	15.217.142.742
+ Ông Nguyễn Bá Hùng	1.975.524.000	11.475.200.000
+ Bà Trần Thị Lê Hải	12.120.000	939.600.000
+ Cổ tức phải trả	20.437.323.845	492.428.845
+ Phải trả phải nộp khác	599.067.526	2.309.913.897
<i>b) Dài hạn</i>	<b>555.000.000</b>	<b>555.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	555.000.000	555.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.690.428.345</b>	<b>16.057.667.101</b>

*c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>500.323.568</b>	<b>79.204.816</b>
Nhận trước tiền cho thuê văn phòng	79.063.568	79.204.816



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thu tiền ứng trước của Công ty Cổ phần in số 7 về việc thuê kho	421.260.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	<b>40.000.000</b>
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội	-	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.323.568</b>	<b>119.204.816</b>

**20. Trái phiếu phát hành**

**20.1 Trái phiếu thường**

- Thời điểm phát hành: 12/2012, thời điểm gia hạn 25/12/2015 kỳ hạn gia hạn 2 năm, kỳ hạn còn lại: 12 tháng;
- Mệnh giá trái phiếu là 500.000.000 đồng, lãi suất cơ bản 4%/ năm;  
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi; 1 trái phiếu mệnh giá 500.000.000 đồng được chuyển đổi thành 47.134 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng; theo đó, trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và bằng 10.608 đồng/ cổ phần.
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi 4%/ năm;
- a) Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:  
Thời điểm phát hành tháng 12/2012, kỳ hạn gốc 3 năm, thời điểm gia hạn là 25/12/2015, kỳ hạn gia hạn 2 năm, kỳ hạn còn lại của trái phiếu chuyển đổi 24 tháng;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi:  
*Công ty Liên doanh Shide Việt Nam* 27  
*Japan South East Asia Growth Fund L.P* 80
- Mệnh giá trái phiếu: 500.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu chuyển đổi 4%/ năm;  
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi; 1 trái phiếu mệnh giá 500.000.000 đồng được chuyển đổi thành 47.134 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng; theo đó, trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và bằng 10.608 đồng/ cổ phần.
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi 4%/ năm.
- b) Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ: 0
- c) Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: 0
- d) Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: 0
- e) Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ
- Thời điểm phát hành tháng 12/2012, kỳ hạn gốc 3 năm, thời điểm gia hạn là 25/12/2015, kỳ hạn gia hạn 2 năm, kỳ hạn còn lại của trái phiếu chuyển đổi 12 tháng;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi:  
*Công ty Liên doanh Shide Việt Nam* 27  
*Japan South East Asia Growth Fund L.P.* 80
- Mệnh giá trái phiếu: 500.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu chuyển đổi 4%/ năm;  
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi; 1 trái phiếu mệnh giá 500.000.000 đồng được chuyển đổi thành 47.134 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng; theo đó, trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và bằng 10.608 đồng/ cổ phần.
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi 4%/ năm.

**21. Dự phòng phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	278.095.550	-
<b>Cộng</b>	<b>278.095.550</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**23. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	137.500.000.000	4.050.070.500	-	30.582.613.998	172.132.684.498
Tăng vốn trong năm trước	261.400.000.000	4.303.125.000	(2.100.000)	-	265.701.025.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	40.394.022.558	40.394.022.558
Trích lập các quỹ	-	-	-	(15.582.840.602)	(15.582.840.602)
Cổ tức chi trả	-	-	-	(25.874.910.000)	(25.874.910.000)
Tăng khác	-	-	-	304.329.155	304.329.155
Giảm khác	-	(331.274.061)	-	(16.674.115)	(347.948.176)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>398.900.000.000</b>	<b>8.021.921.439</b>	<b>(2.100.000)</b>	<b>29.806.540.994</b>	<b>436.726.362.433</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	52.969.114.963	52.969.114.963
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.470.981.149)	(4.470.981.149)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(19.944.895.000)	(19.944.895.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>398.900.000.000</b>	<b>8.021.921.439</b>	<b>(2.100.000)</b>	<b>58.359.779.808</b>	<b>465.279.601.247</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ông Nguyễn Bá Hùng	27.766.760.000	120.322.680.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	95.547.930.000	95.547.930.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	92.555.920.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	1.787.500.000	1.787.500.000
Công ty CP Đầu tư FIT	-	12.375.000.000
Danske Invest Sicav-Sif-Emerging And Frontier Markets Smid	18.380.500.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	162.861.390.000	168.866.890.000
<b>Cộng</b>	<b>398.900.000.000</b>	<b>398.900.000.000</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	398.900.000.000	137.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	261.400.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	398.900.000.000	398.900.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>19.944.895.000</b>	<b>25.874.910.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.890.000	39.890.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.890.000	39.890.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.890.000	39.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	210	210
- Cổ phiếu phổ thông	210	210
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.889.790	39.889.790
- Cổ phiếu phổ thông	39.889.790	39.889.790
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

**e) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	24.356.877.127	1.490.327.050	-	25.847.204.177
Quỹ khác thuộc VCSH	5.918.410.646	1.490.327.050	-	7.408.737.696
<b>Cộng</b>	<b>30.275.287.773</b>	<b>2.980.654.100</b>	<b>-</b>	<b>33.255.941.873</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>Tiền USD</b>	<b>2.375,94</b>	<b>1.549,72</b>
Tiền gửi ngân hàng	2.375,94	1.549,72



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.161.403.676.193	714.857.793.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	50.671.350.015	31.327.768.814
Doanh thu bán hàng hóa	180.126.107.986	507.236.076.202
Doanh thu khác	1.055.260.695	579.182.288
<b>Cộng</b>	<b>1.393.256.394.889</b>	<b>1.254.000.821.029</b>
<i>b) Doanh thu các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2</i>		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán	113.717.719	-
<b>Cộng</b>	<b>113.717.719</b>	<b>-</b>
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm	1.053.424.283.958	633.804.145.588
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	43.171.073.018	21.978.643.435
Giá vốn bán hàng hóa	174.871.536.175	494.109.775.942
<b>Cộng</b>	<b>1.271.466.893.151</b>	<b>1.149.892.564.965</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.615.267	68.932.487
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	269.248.835	1.333.698.804
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	417.829.601	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	991	422.605
<b>Cộng</b>	<b>707.694.694</b>	<b>1.403.053.896</b>
5. Chi phí tài chính	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	26.914.070.375	27.712.799.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	774.742.404	1.193.112.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	2.226.968.194	-
Chi phí tài chính khác	-	22.967
<b>Cộng</b>	<b>29.915.780.973</b>	<b>28.905.934.837</b>
6. Thu nhập khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Nhượng bán TSCĐ cho Công ty cho thuê tài chính	856.134.947	-
Thanh lý tài sản	-	101.758.000
Thu phạt nhân viên	92.265.030	-
Thu nhập khác	290.102.644	726.849.077
<b>Cộng</b>	<b>1.238.502.621</b>	<b>828.607.077</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. Chi phí khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý tài sản	139.749.919	167.860.017
Chi nộp phạt hành chính thuế	181.300.776	1.082.904.253
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	212.238.319	-
Chi phí khác	152.210.455	155.143.495
<b>Cộng</b>	<b>685.499.469</b>	<b>1.405.907.765</b>
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	9.294.607.759	6.955.379.434
Chi phí vật liệu quản lý	51.412.560	8.774.632
Chi phí đồ dùng văn phòng	466.077.020	293.041.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.219.690.978	2.031.457.677
Thuế, phí và lệ phí	419.831.028	90.126.123
Chi phí dự phòng	3.879.802.300	1.090.826.183
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.421.294.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	996.135.291	6.894.211.589
Chi phí bằng tiền khác	6.921.072.329	-
<b>Cộng</b>	<b>24.248.629.265</b>	<b>19.785.112.195</b>
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	5.792.075.457	5.129.890.250
Chi phí vật liệu, bao bì	34.034.849	479.860.706
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	91.200.141	25.210.845
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.443.297.185	1.296.896.326
Chi phí bảo hành	60.062.025	195.838.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.162.447.010	2.920.737.688
Chi phí bằng tiền khác	2.940.631.710	1.783.950.188
<b>Cộng</b>	<b>12.523.748.377</b>	<b>11.832.384.629</b>
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(1.323.661.556)</i>	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	<i>(1.323.661.556)</i>	-
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	449.840.421.177	677.915.459.487
Chi phí nhân công	30.552.185.790	20.251.462.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.313.056.723	19.082.582.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.567.300.902	24.532.256.095
Chi phí bằng tiền khác	29.317.539.511	8.849.017.214
<b>Cộng</b>	<b>535.590.504.103</b>	<b>750.630.777.699</b>



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.969.114.963	40.394.022.558
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.969.114.963	40.394.022.558
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.490.327.049
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	39.889.790	23.826.685
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.327,89	1.632,78

(\*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm 2015 được điều chỉnh lại do loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trích trong năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm 2016	Năm 2015
<b>1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ</b>		
Góp vốn bằng tài sản cố định	-	52.530.000.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	25.874.910.000
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	585.330.276.480	660.772.496.634
<b>3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	499.171.225.392	683.877.422.355
Tiền trả nợ gốc vay theo hợp đồng thuê tài chính	7.057.674.482	11.250.610.562

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**2.1 Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát  
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn  
Nguyễn Bá Hùng  
Trần Thị Lê Hải

**Mối quan hệ**

Cổ đông sáng lập  
Cổ đông chiến lược  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

**2.2 Giao dịch với các bên liên quan**

**Bán hàng trong kỳ**

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
	137.809.245.879	206.541.659.064



Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**2.3 Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập Ban Tổng giám đốc	617.544.574	677.678.739
<b>Cộng</b>	<b>617.544.574</b>	<b>677.678.739</b>

**2.4 Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	1.988.911.290	7.081.499.164
<b>Tạm ứng</b>		
Nguyễn Bá Hùng	6.500.000.000	67.094.073.818
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	724.405.043	16.957.249.499
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	411.215.643	-
<b>Phải trả khác</b>		
Trần Thị Lê Hải	12.120.000	939.600.000
Nguyễn Bá Hùng	1.975.524.000	11.475.200.000

MO  
T  
H  
M  
S  
D  
A

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là sản xuất, mua bán các vật tư, thiết bị ngành nhựa và thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016**

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Cộng
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	640.469.180.690	523.254.132.167	231.003.961.680	(319.860.081.140)	<b>1.074.867.193.397</b>
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>640.469.180.690</b>	<b>523.254.132.167</b>	<b>231.003.961.680</b>	<b>(319.860.081.140)</b>	<b>1.074.867.193.397</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	466.115.786.740	330.583.403.729	190.010.763.522	(410.378.303.714)	<b>576.331.650.277</b>
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>466.115.786.740</b>	<b>330.583.403.729</b>	<b>190.010.763.522</b>	<b>(410.378.303.714)</b>	<b>576.331.650.277</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016**

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Cộng
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	549.650.552.757	795.674.745.171	219.694.432.164	(615.014.755.945)	950.004.974.147
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>549.650.552.757</b>	<b>795.674.745.171</b>	<b>219.694.432.164</b>	<b>(615.014.755.945)</b>	<b>950.004.974.147</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	336.437.794.957	352.533.714.172	180.168.921.790	(386.137.106.978)	483.003.323.941
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>336.437.794.957</b>	<b>352.533.714.172</b>	<b>180.168.921.790</b>	<b>(386.137.106.978)</b>	<b>483.003.323.941</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần	1.038.541.644.690	209.115.314.568	249.807.484.357	(104.321.766.445)	1.393.142.677.170
Doanh thu hoạt động tài chính	581.220.950	38.813.224.672	1.358.669	(38.688.109.597)	707.694.694
Chi phí sản xuất kinh doanh	984.337.310.630	208.735.877.615	247.669.853.129	(103.911.651.164)	1.336.831.390.210
- Giá vốn hàng bán	932.954.429.852	202.805.482.062	239.805.607.038	(104.098.625.801)	1.271.466.893.151
- Chi phí tài chính	24.723.426.437	2.561.746.987	2.443.632.912	186.974.637	29.915.780.973
- Chi phí bán hàng	9.266.199.150	705.521.302	2.552.027.925	-	12.523.748.377
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.393.255.191	2.663.127.264	2.868.585.254	-	22.924.967.709
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>54.785.555.010</b>	<b>39.192.661.625</b>	<b>2.138.989.897</b>	<b>(39.098.224.878)</b>	<b>57.018.981.654</b>
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	578.847.273	(33.869.498)	8.525.377	(500.000)	553.003.152
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>55.364.402.283</b>	<b>39.158.792.127</b>	<b>2.147.515.274</b>	<b>(39.098.724.878)</b>	<b>57.571.984.806</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần	754.622.945.068	343.902.157.945	245.421.123.319	(89.945.405.303)	1.254.000.821.029
Doanh thu hoạt động tài chính	135.872.460	31.184.605.916	2.186.932	(29.919.611.412)	1.403.053.896
Chi phí sản xuất kinh doanh	712.602.141.825	344.482.545.825	243.376.013.414	(90.044.704.438)	1.210.415.996.626
- Giá vốn hàng bán	673.569.296.931	334.088.864.969	232.179.808.368	(89.945.405.303)	1.149.892.564.965
- Chi phí tài chính	19.872.001.542	4.231.355.215	4.901.877.215	(99.299.135)	28.905.934.837
- Chi phí bán hàng	7.061.680.822	1.898.248.513	2.872.455.294	-	11.832.384.629
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.099.162.530	4.264.077.128	3.421.872.537	-	19.785.112.195
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>42.156.675.703</b>	<b>30.604.218.036</b>	<b>2.047.296.837</b>	<b>(29.820.312.277)</b>	<b>44.987.878.299</b>
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	(234.254.837)	(339.600.642)	(3.445.209)	-	(577.300.688)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>41.922.420.866</b>	<b>30.264.617.394</b>	<b>2.043.851.628</b>	<b>(29.820.312.277)</b>	<b>44.410.577.611</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**4. Công cụ tài chính  
Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.13 và V20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.499.044.560	13.122.324.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.453.028.134	213.604.178.204
<b>Cộng</b>	<b>210.952.072.694</b>	<b>226.726.502.495</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	425.415.609.300	346.314.232.694
Phải trả người bán và phải trả khác	118.164.894.195	116.568.567.422
Chi phí phải trả	575.354.000	1.279.922.096
<b>Cộng</b>	<b>544.155.857.495</b>	<b>464.162.722.212</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	54.612.265.470	56.235.169.299	115.505.522	3.343.064.220

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	101.881.888.305	16.283.005.890	118.164.894.195
Chi phí phải trả	575.354.000	-	575.354.000
Các khoản vay	242.216.133.581	183.199.475.719	425.415.609.300



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	116.013.567.422	555.000.000	116.568.567.422
Chi phí phải trả	1.279.922.096	-	1.279.922.096
Các khoản vay	206.946.469.972	139.367.762.722	346.314.232.694

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.499.044.560	-	36.499.044.560
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.306.918.430	45.146.109.704	174.453.028.134

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.122.324.291	-	13.122.324.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	212.022.471.498	1.581.706.706	213.604.178.204

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Người lập

Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Ngô Thị Hòa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**HỮU TỊCH HĐQT**  
*Nguyễn Bá Hùng*